GRAMMAR 6: *PAST SIMPLE TENSE (THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN)*

1. Thì quá khứ đơn là gì?

Thì quá khứ đơn (Past Simple Tense) diễn tả **hành động bắt đầu và kết thúc trong quá khứ** và **không còn liên quan tới hiện tại**.

Thì quá khứ đơn có thể sử dụng với trạng từ thời gian xảy ra trong quá khứ (ví dụ: I walked to the market last Saturday) hoặc tại một thời điểm xác đinh (ví dụ: I studied today).

2. Cấu trúc thì quá khứ đơn như thế nào?

2.1. Cấu trúc thì quá khứ đơn với động từ "TO BE" (was/were)

- **Thể khẳng định: S + was/were + ...**

Ví dụ: They were friends. (Họ từng làm bạn)

Lưu ý:

I/She/He/It + was

We/You/They + were

- **Thể phủ định: S + was not/were not + ...**

Ví dụ: They weren't friends. (Họ không phải là bạn bè)

Lưu ý:

Was not = Wasn't

Were not = Weren't

- **Thể nghi vấn: Was/Were + S + ...?**

Ví dụ: Were they friends? (Họ có phải bạn bè không?)

2.2. Cấu trúc thì quá khứ đơn với động từ thường

Lưu ý: Động từ thường tiếng Anh ở quá khứ dưới viết dưới dạng V-ed. Tuy nhiên, có vài trăm động từ bất quy tắc với các dạng khác nhau.

- **Thể khẳng định: S + V-ed/V2 + ...**

Ví dụ: She worked yesterday. (Cô ấy làm việc ngày hôm qua)

LIVEWORKSHEETS

Thể phủ định: S + didn't + verb (in base form) + ...

Lưu ý: didn't = did not

Ví dụ:

She didn't work yesterday. (Cô ấy không làm việc ngày hôm qua)

Thể nghi vấn: Did + S + verb (in base form)?

Ví dụ: Did she work yesterday? (Cô ấy có làm việc ngày hôm qua không?)

2.3. Cách thêm -ed sau động từ

- Thông thường ta thêm "ed" vào sau động từ.

Ví dụ: watch – watched, turn – turned, want – wanted

- Động từ tận cùng là "e" -> ta chỉ cần cộng thêm "d".

Ví dụ: type – typed

smile – smiled

agree – agreed

- Động từ có 1 âm tiết, tận cùng là 1 phụ âm, trước phụ âm là 1 nguyên âm -> ta nhân đôi phụ âm cuối rồi thêm "-ed".

Ví dụ: stop – stopped

shop – shopped

tap – tapped

Nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ:

commit – committed

travel – travelled

prefer – preferred

- Động từ tận cùng là "y": Nếu trước "y" là 1 nguyên âm (a,e,i,o,u) ta cộng thêm "ed".

Ví dụ: play – played

stay – stayed

LIVEWORKSHEETS

Nếu trước "y" là phụ âm (còn lại) ta đổi "y" thành "i + ed".

Ví dụ: study – studied

cry – cried

- Một số động từ bất qui tắc không thêm "ed".

Có một số động từ khi sử dụng ở thì quá khứ không theo qui tắc thêm "ed". Những động từ này ta cần học thuộc.

Ví dụ: go – went/ get – got / see – saw/ buy – bought.

3.Hướng dẫn cách dùng thì quá khứ đơn

3.1. Thì quá khứ đơn diễn tả hành động đã hoàn thành trong quá khứ, đã chấm dứt ở hiện tại

Ví dụ: I saw a ghost last Friday.

(Tôi nhìn thấy con ma vào thứ Sáu tuần trước)

3.2. Thì quá khứ đơn diễn tả chuỗi hành động xảy ra trong quá khứ

Ví dụ: I finished work, walked to the beach, and found a nice place to swim.

(Tôi đã làm xong việc, đi dạo trên biển và tìm thấy địa điểm đẹp để bơi)

3.3. Thì quá khứ đơn diễn tả thói quen trong quá khứ.

Ví dụ: When I was young, I watched lots of television every day after school.

(Khi tôi còn nhỏ, tôi xem TV mỗi ngày sau giờ học ở trường)

3.4. Thì quá khứ đơn diễn tả hành động xen vào một hành động đang xảy ra trong quá khứ

Ví dụ: I saw Lana when I was walking in the park.

(Tôi đã thấy Lana khi tôi đang đi bộ trong công viên.)

Lưu ý: Trong trường hợp này, hành động đang xảy ra sẽ được chia ở thì quá khứ tiếp diễn, hành động xen vào chia ở thì quá khứ đơn.

3.5. Thì quá khứ đơn dùng trong mệnh đề "IF" của câu điều kiện loại 2

Ví dụ: If I were you, I would book a trip to Da Lat.

(Nếu tôi là bạn, tôi đã đặt một chuyến du lịch đến Đà Lạt)

LIVEWORKSHEETS

3.6. Thì quá khứ đơn dùng trong câu ước không có thật ở hiện tại

Ví dụ: I wish I were at home now.

(Tôi ước giờ tôi đang ở nhà.)

3.7. Thì quá khứ đơn dùng để nói về một sự kiện lịch sử

Ví dụ: The light bulb was invented by Thomas Edison in 1879

(Bóng đèn điện được phát minh bởi Thomas Edison vào năm 1879)

4. Dấu hiệu nhận biết thì quá khứ đơn

Chúng ta có thể nhận biết thì Quá khứ đơn qua một số trạng từ chỉ thời gian dưới đây:

- **Yesterday** (ngày hôm qua)

Ví dụ: I watched this movie yesterday. (Tôi đã xem bộ phim này hôm qua)

- **Time + Ago: two years ago** (2 năm trước), 3 days ago (3 ngày trước), ...

Ví dụ: I moved to Ho Chi Minh City 2 years ago. (Tôi chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh 2 năm trước.)

- **Last + Time**: Last night (Tối qua) / Last month (Tháng trước) / Last week (Tuần trước) / Last year (Năm ngoái) ...

Ví dụ: Last month, I travelled to Thailand. (Tháng trước, tôi đã đi du lịch Thái Lan.)

- **Các mốc thời gian trong quá khứ**: In 2003, In 2007, in 2018, ...

Ví dụ: The buiding was built in 2018. (Tòa nhà được xây vào năm 2018.)

- **When** (Khi): thường dùng trong câu kể lại sự việc xảy ra trong quá khứ

Ví dụ: I used to play football with my childhood friends when I was small. (Tôi thường chơi bóng đá với đám bạn thuở nhỏ của tôi khi tôi còn nhỏ.)

- **In the past (trong quá khứ)**

Ví dụ: She was an excellent leader in the past. (Cô ấy là một lãnh đạo kiệt xuất trong quá khứ)

LIVEWORKSHEETS

- **The day before (1 ngày trước)**

Ví dụ: The child disappeared the day before. (Đứa trẻ mất tích 1 ngày trước.)

- Đôi khi, chúng ta cũng dùng thì quá khứ đơn trong các câu có các trạng từ chỉ một phần thời gian đã qua trong ngày như: Today, this morning, this afternoon, ...

Ví dụ: I finished the report this morning. (Tôi đã hoàn thành báo cáo sáng nay.)

Bài tập 1

Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để điền vào chỗ trống.

1. They _____ the bus yesterday.

A. don't catch B. weren't catch

C. didn't catch D. not catch

2. My sister _____ home late last night.

A. comes B. come

C. came D. was come

3. My father _____ tired when I _____ home.

A. was – got B. is – get

C. was – getted D. were – got

4. What _____ you _____ two days ago?

A. do – do B. did – did

C. do – did D. did – do

5. Where _____ your family _____ on the summer holiday last year?

A. do – go B. does – go

C. did – go D. did – went

6. Mozart _____ more than 600 pieces of music.

A. writes

LIVEWORKSHEETS

B. wrote
C. writed
D. was wrote

7. We _____ David in town **a few days ago**.

A. did see
B. was saw
C. did saw
D. saw

8. It was cold, so I _____ the window.

A. shut
B. was shut
C. am shut
D. shutted

9. I _____ to the cinema three times **last week**.

A. was go
B. went
C. did go
D. goed

10. What _____ you _____ **last weekend**?

A. were / do
B. did / did
C. did / do
D. do / did

LIVEWORKSHEETS